



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Pham Tan Hien
Last Middle First

Current Address: 07/09/45 ấp Bins Hòa, Bins Thanh,

Date of Birth: ↓ Place of Birth: Vinh Thuan, Kien Giang
Rach Gia

Previous Occupation (before 1975) CPT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/10/75 To 12/77
Years: 3 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FVPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Lời xin định cư ở Hoa-Kỳ.

Hình gửi Giải trình chứng minh ODP.

Coi tên: Phạm Tấn-Hiến sinh ngày
09-07-1945 tại Vĩnh Bình Địch-giải, hiện ngụ
tại ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Vĩnh Thuận,
tỉnh Kiên Giang, miền nam Việt Nam.

Cấp Bậc: Đại-Việt, cấp lực lượng

Số quân 65/512694.

Chức vụ: Đại đội trưởng ĐĐ 502/ĐĐQ KBC 708P.

Tiền đồn Kiên Giang (Môê Hô) Việt Nam

Thỉnh xin chuyển phục vụ Hoa Kỳ của tôi được
định cư ở Hoa Kỳ với những lý do sau đây:

- 1- Tôi bị di tản trước bị khóa 23 trường bị binh
T.H. Đức.
- 2- Liên tục phục vụ trong quân đội Việt Nam Cộng
Hoa từ năm 1966 đến năm 1975.
- 3- Đã học tập cải tạo từ 10-5-1975 đến 31-12-1977
- 4- Vì tôi và em ruột tôi phục vụ trong chính
quyền Việt Nam Cộng Hòa đến năm 1975
- 5- Đã ở tù ở Trung quốc quân đội Việt Nam Cộng Hòa từ
tháng năm 1970.

Những người tôi được biết với tôi:

- 1- Trần Văn Bạch Thủy sinh năm 1949 VD.
- 2- Phạm Văn Tuấn sinh năm 1964 Con ruột.
- 3- Phạm Thị Ngọc Diễm sinh năm 1975 Con ruột.
- 4- Phạm Văn Dũng sinh năm 1978 Con ruột.
- 5- Phạm Văn Duyệt sinh năm 1981 Con ruột.

Thỉnh xin chuyển phục vụ Hoa Kỳ của tôi và
chấp thuận cho tôi và gia đình tôi được định cư ở
Hoa Kỳ để đảm bảo được cuộc sống ổn định

thời nay trong sức học đang ngày

trên từng kinh điển.

Viết năm ngày 2.8.1988.

hư

Phạm tài Kiên

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:-

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

A. Basic Identification Data/ Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : PHAM TAN LIEN Sex: NAM
2. Other Name
Họ, tên khác : Không
3. Date/Place of Birth
Ngày/ Nơi sinh : 09-07-1945 Vĩnh Bình Rạch Gia
4. Residence Address
Địa chỉ thường trú : Cp Bình Hòa xã Bình Thạnh, huyện Vĩnh Thuận tỉnh Kiên Giang
5. Mailing Address
Địa chỉ thư từ : 184 Nguyễn Trung Trục Tp. Hồ Chí Minh (Kiên Giang)
6. Current Occupation
Nghề nghiệp hiện tại : Làm ruộng Miền Nam Việt Nam

B. Relatives To Accompany Me/ Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú ý: Vợ/ Chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi, kê khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/ góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng hôn nhân	Relationship Quan hệ
1. Bà Thù Ba Thuy	1949	Rạch Gia	Nữ	M	Vợ
2. Phạm Anh Tuấn	1964	nt	Nam	S	Con nuôi
3. Phạm Thị Ngọc Diễm	1975	nt	Nữ	S	Con ruột
4. Phạm Minh Dũng	1978	nt	Nam	S	nt
5. Phạm Minh Duy	1981	nt	Nam	S	nt
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					

(Note: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification card (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section 1 below.)

(Chú ý: Cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy thú, (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con cùng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.)

1. Closest Relative in the U.S
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. Name/Họ, Tên :
b. Relationship/Liên hệ gia đình :
c. Address/Địa chỉ :
d. Date of Relatives Arrival in the U.S / Ngày bà con đến Mỹ :

2. Closest Relative in other Foreign Countries
Bà con thân thuộc nhất ở nước khác

a. Name/Họ, Tên : Phạm Công Hải
b. Relationship/Liên hệ gia đình : Cháu gọi chú ruột :))))
c. Address/Địa chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead) Danh sách toàn thể gia đình (S/Ch)

1. Father/Cha : Phạm Minh Quang (sống)
2. Mother/Mẹ : Lê Thị Huệ (sống)
3. Spouse/Vợ/Chồng : Trần Thị Bạch Tuyết (sống)
4. Former Spouse (if any) (Vợ/chồng trước (nếu có)) : Không
5. Children/Con cái
(1) Phạm Anh Tuấn
(2) Phạm Thị Ngọc Diễm
(3) Phạm Minh Dũng
(4) Phạm Minh Dũng
(5) Phạm Minh Dũng
(6) Phạm Minh Dũng
(7) Phạm Minh Dũng
(8) Phạm Minh Dũng
(9) Phạm Minh Dũng
(10) Phạm Minh Dũng

6. Siblings/Anh chị em
(1) Phạm Thị Nhật (sống)
(2) Phạm Văn Phát (sống)
(3) Phạm Văn Đạt (tên thật) năm 1970
(4) Phạm Ngọc Diệp (sống)
(5) Phạm Văn Đạt
(6) Phạm Văn Đạt
(7) Phạm Văn Đạt
(8) Phạm Văn Đạt
(9) Phạm Văn Đạt
(10) Phạm Văn Đạt

E. Employment by U.S Government Agencies or Other US Organization of you or your Spouse /Bản hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ

1. Employee Name

Tên họ nhân viên :

Position title

Chức vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn phòng:

Length of Employment

Thời gian làm việc

From:

Từ

To:

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ Giám thị Mỹ :

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

2. Employee Name

Tên họ nhân viên :

Position title

Chức vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn phòng :

Length of Employment

Thời gian làm việc

From

Từ

To:

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ Giám thị Mỹ :

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

FF Service with GVN or RVNAF by you or your Spouse /Bản hoặc Vợ/Chồng đã Công vụ với Chính Phủ Việt Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham gia :

2. Dates :

From:

To:

Ngày, tháng, năm Từ 1966

Tới 1975

3. Last Rank

Cấp bậc cuối cùng :

Serial number

Số thẻ nhân viên :

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/Sở/Đơn vị Binh chủng :

5. Name of Supervisor/C.O

Họ tên người Giám thị

Sĩ quan chỉ huy

6. Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

7. Name of American Advisor (s)

Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S Training Courses in Vietnam :

Chương trình huấn luyện Hoa-kỳ

tại Việt Nam

9. U.S Awards or Certificates

Name of award :

Date received

Thân thưởng hoặc giấy khen :

Ngày nhận

(NOTE: please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☒ No ☐

(Chú ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy ban khen, hoặc chứng thư nếu có. Đương sự có không? Có ☒ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of you or your Spouse/ Bản hoặc vợ/ chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên sinh viên/ người được huấn luyện :

2. School and School Address :

Trường và địa chỉ nhà trường :

Ngày, tháng, năm

From
Từ

To
Tới

4. Description of Courses:

Mô tả ngành học

5. Who paid for training ? :

Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)

(Chú ý: Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không.)

H. Re-education of you or your spouse/Bạn hoặc vợ chồng đã học tập cải tạo

1. Name of Person in Re-education

Họ tên người đi học tập cải tạo: Phạm-tân-Hiến

2. Time in Reeducation :

From :

To :

Thời gian học tập :

Từ 10-5-1975

Tới: 31-12-1977

3. Still in Reeducation ? Yes

No

Vẫn còn học tập cải tạo? Có

Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)

(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks ? / Các chú phụ thuộc

1. Vợ Trần Thị Bạch Thủy, giáo viên Sĩ Quan Vĩnh Long xin nghỉ việc 1978

2. Phạm anh Tuấn con trai, cháu ruột của Phạm Tân Hiến, hiện đang ở Công Binh Thủ Đức 1979, hiện ngụ 1/4 Trần Phú Bạch gia đình hiện ở Thủ Đức

3. Tất cả giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, sổ chứng minh thư, các công nhân nhà nước Việt Nam gửi khi tiếp thu

Signature

date

Ký tên :

Ngày

2-8-1988

J. Please list here all Documents Attached to this Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với sơ câu hỏi này

FROM: HAU CONG PHAM.



OCT 0 5 1988

TO: KHUC MINH THO.
PO, BOX 5435. ARHINGTON
VA 22205. D635 USA.

OCT 0 5 1988

Air Mail Par avion



CONTROL

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form 21/4/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form 'D'
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter